TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM
Ngày: 11/10/2019
V/v: tranh chấp hợp đồng xây dựng
(Đòi tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Bình

2. Bà Phan Thị Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết -Thư ký Tòa án nhân dân quận T

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 13/2017/TLST – KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐ-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019 /QĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH nhà Khung thép N

(viết tắt là Công ty N)

Trụ sở: tầng 2, Tòa C2, Khu tổ hợp Vinaconex 1, số 289A đường K, phường T, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen Chien Jung - Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty

Người đại diện ủy quyền: ông Vũ Trọng H, sinh năm 1978

Trú tại: Phòng 1534 – CT 8C- Khu đô thị Đ, xã Tả Thanh, huyện Thanh Trì, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền công chứng số 009801, quyển số: 04 TP/ CC – SCC /HĐ GD ngày 29 tháng 4 năm 2016).

(Có mặt)

2.Bị đơn: Công ty TNHH phát triển xây dựng K(Viết tắt là Công ty Kiến Hưng)

Địa chỉ cũ: Số 29 ngách 76/83, phố Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận T, Thành phố H.

Địa chỉ mới: Tòa nhà Goldel Palace K, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Chou Hung Yen – Chức vụ: Giám đốc công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Chí Thiện, sinh năm 1977.

(Theo giấy ủy quyền số 01/2018/ UQ – TT ngày 22/2/2018) (Có mặt)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Hoàng Yến - luật sư Công ty Luật hợp danh Anh Vũ

Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/12/2011, Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Việt Nam Kiến Hưng và Công Ty TNHH Nhà khung Thép Ngọc Phùng ký hợp đồng kinh tế số VN2011- 015, theo đó Ngọc Phùng là bên B, có nghĩa vụ thi công công trình lắp đặt tấm vách ngăn ngoài 3 lớp tại nhà xưởng số R1 Công ty Khoa học Kỹ thuật Wintek, địa điểm tại Khu công nghiệp Quang Châu, Bắc Giang và Ngọc Phùng sẽ được thanh toán theo tiến độ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng và các tài liệu liên quan. Cụ thể Hợp đồng quy định về việc thanh toán và thời hạn thanh toán như sau:

"Điều 8. Kết toán và thanh toán tiền công trình và tiền bảo đảm.

1. Tiền nguyên liệu: Sau khi kí hợp đồng trong vòng 07 ngày thanh toán 50% tổng giá trị tiền nguyên liệu, mỗi lô hàng sau khi đến công trường thanh toán 50% tiền lô hàng đó, số tiền còn lại được thanh toán hết trong vòng 7 ngày sau khi cung cấp bảng thanh toán;

2. Tiền nhân công: Sau khi kí hợp đồng trong vòng 07 ngày thanh toán 50% tổng giá trị, các tháng tiếp theo được thanh toán dựa vào số lượng hoàn thành trên thực tế, thanh toán trong vòng 7 ngày sau bảng thanh toán được đưa ra;

3. Nếu bên A chậm thanh toán tiền công trình hoặc số tiền còn lại sẽ bị phạt tiền vi phạm hợp đồng cho bên B mức 0,03% một ngày khoản tiền trả chậm.

Sau khi kí kết hợp đồng, Ngọc Phùng đã tuân thủ các điều khoản đã ký kết, đã thực hiện đúng nghĩa vụ ghi trong hợp đồng, theo đúng tiến độ và hoàn thành đúng thời hạn đã cam kết. Phiếu bàn giao trong đó xác nhận khối lương công việc đã hoàn thành và giá trị của khối lượng công việc đó đã được đại diện Kiến Hưng kí xác nhận ngày 10/10/2013 và phiếu nghiệm thu công trình đã được đại diện các bên kí xác nhận ngày 01/11/2013. Ngày 15/6/2015 Công ty N chính thức có văn

bản yêu cầu K thanh toán cho Công ty N số tiền còn nợ. Tuy nhiên, Công ty K không thanh toán cho Công ty N theo thời hạn đã cam kết trong hợp đồng.

Đến nay Công ty K còn nợ Công ty N khoản nợ gốc là 111.561,42 USD tương đương 2.510.131.950 VNĐ (theo tỷ giá USD bán ra là 22,500 VND/01 USD do Vietcombank công bố ngày 30/12/2015). Ngày 02/11/2015 Luật sư của Công ty N tiếp tục gửi cho Công ty K công văn đề nghị thanh toán, trong đó nêu rõ các căn cứ thực tế và căn cứ pháp lý về việc Công ty K phải thanh toán khoản nợ gốc, căn cứ pháp lý để tính lãi suất cho Khoản nợ chậm trả.... Tuy nhiên, Công ty K không thực hiện.

Nay, Công Ty TNHH Nhà khung Thép N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Việt Nam K phải trả cho Công ty N số tiền nợ gốc theo hợp đồng 111.561,42 USD tương đương 2.510.131.950 VNĐ (theo tỷ giá USD bán ra là 22,500 VND/01 USD do Vietcombank công bố ngày 30/12/2015)

Căn cứ tính lãi suất trả chậm là khoản 2 Điều 305 Bộ Luật Dân Sự 2005: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"

Căn cứ quy định lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước thời điểm hiện nay là quyết định số 2868/QĐ-NHNN về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Cụ thể tại Điều 1"Quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm".

Với số nợ gốc 111.561,42 USD (2.510.131.950đ) kể từ thời điểm N gửi công văn yêu cầu Kthanh toán khoản nợ vào ngày 15/6/2015. Do vậy, chúng tôi tạm tính từ ngày 15/6/2015 đến 30/01/2016 là 7 tháng. Số tiền lãi phải trả cho N là:

2.510.131.950 VNĐ × 0.75% × 7 tháng = 131.781.927đ

Theo quy định tại Khoản 6, Điều 8 của hợp đồng: "Bên chậm thanh toán tiền công trình hoặc số tiền còn lại sẽ bị phạt tiền vi phạm hợp đồng cho bên B mức 0,03% một ngày khoản tiền chậm trả."

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 146, Luật Xây dựng năm 2014 về việc thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng:

"1. Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng"

Với số nợ gốc 111.561,42 USD (2.510.131.950đ) kể từ thời điểm xác nhận khoản nợ là ngày 15/6/2015 đến 30/01/2016 là 840 ngày. Số tiền phạt hợp đồng theo thỏa thuận đối với Kiến Hưng là:

2.510.131.950 VNĐ × (0,03% × 225 ngày) = 169.433.907đ

Tổng số tiền Kphải trả cho N:

2.510.131.950 VND (tiền nợ gốc) + 131.781.927đ (tiền lãi trả chậm) + 169.433.907 VND (tiền phạt theo thỏa thuận) = 2.811.347.784đ (Hai tỷ tám trăm mười một triệu ba trăm bốn bảy nghìn bảy trăm tám tư đồng)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty TNHH phát triển xây dựng K trình bày:

Ngày 28/12/2011, Công ty Kvà Công ty N có ký kết Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 để thuê/giao thi công công trình lắp đặt tấm vách ngăn ngoài 3 lớp tại nhà xưởng số R1 Công ty Wintek, gồm nhập khẩu thu mua, bảo quản, lắp đặt và phương án thi công với tổng giá trị hợp đồng dự kiến (đã bao gồm cả thuế GTGT) là 429.231,00 USD. Giá trị hợp đồng thực tế sẽ căn cứ vào quyết toán công trình.

Quá trình thực hiện, Công ty N đã có nhiều sai phạm, không tuân thủ đúng, đầy đủ nội dung quy định tại Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 nên đã dẫn đến: việc thi công bị kéo dài hàng năm so với quy định; Nguyên vật liệu và thi công đều không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận; Bỏ dở việc thi công và chậm trễ trong việc sửa chữa những sai sót trong thi công khiến Công ty Kphải trực tiếp thi công nốt và khắc phục sai sót tại công trình lắp đặt tấm vách ngăn ngoài 3 lớp tại nhà xưởng số R1 Công ty Wintek; Thời gian hoàn thành thi công của Công ty N bị kéo dài đã khiến cho Công ty Kchậm được thanh toán từ Wintek số tiền lớn trong thời gian dài…

Với những sai phạm nêu trên, Công ty K hoàn toàn có thể căn cứ vào quy định tại Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 để không chấp nhận thanh toán và truy cứu trách nhiệm, yêu cầu Công ty N phải chịu phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại với số tiền lớn. Và do vậy, giá trị thanh toán không thể như tổng giá trị hợp đồng dự kiến.

Toàn bộ giá trị được chấp nhận, thống nhất thanh toán giữa hai bên theo Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 đều đã được Công ty K thanh toán đầy đủ theo đề nghị thanh toán và giá trị các hóa đơn tài chính do Công ty N phát hành, bàn giao cho Công ty K.

Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 đã được ký kết từ 2011, đã chấm dứt xong trước năm 2013 và thời gian dài sau đó, Công ty Kđều không hề nhận được bất kỳ ý kiến, khiếu nại nào từ Công ty N (kể cả việc Công ty Kcó thông báo yêu cầu thực hiện trách nhiệm bảo hành nhưng Công ty N cũng né tránh, không phản hồi và không thực hiện). Nhưng đến đầu năm 2016, Công ty N lại nộp hồ sơ khởi kiện để yêu cầu thanh toán không đúng, không trung thực theo thỏa thuận đối với Hợp đồng Kinh tế số VN2011- 015.

Nay Công ty N khởi kiện và nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty N, Công ty Kxin có ý kiến như sau:

- Công ty Kkhông chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty N vì toàn bộ giá trị được chấp nhận, thống nhất thanh toán giữa hai bên theo Hợp đồng Kinh tế số VN2011-015 đều đã được Công ty Kthanh toán đầy đủ theo đề nghị thanh toán và giá trị các hóa đơn tài chính do Công ty N phát hành, bàn

giao cho Công ty Kđề nghị TAND quận T xem xét và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết.

Tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến như sau:

- Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty K thanh toán số tiền nợ gốc là 111.561,42 USD, quy đổi ra VNĐ tại thời điểm xét xử là 2.594.918.396đ và yêu cầu Công ty K phải trả số tiền chậm thanh toán mà hai bên đã ký kết. Nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc buộc Công ty K phải trả số lãi suất quá hạn cho Công ty N.

- Bị đơn trình bày đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX xem xét đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên toà phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: đã thụ lý đúng thẩm quyền, giao nhận thông báo thụ lý vụ án theo quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật.Thư ký đã phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra sự vắng mặt, có mặt của những người tham gia tố tụng theo quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đã đề nghị hội đồng xét xử căn cứ điều 81 Luật xây dựng năm 2003, Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2010 của Chính Phủ bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Ngày 08/01/2016, Công ty TNHH nhà Khung thép N khởi kiện Công ty TNHH phát triển xây dựng K có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số 29, ngách 76/83 phố Yên Phụ, phường Y, quận T, Thành phố H, yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ Công ty N theo Hợp đồng kinh tế số VN 2011- 015 ngày 28/12/2011 mà hai bên đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của Công ty N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T. Ngày 25/11/2016, Phòng đăng ký kinh doanh số 01 – Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H đã cung cấp giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh của Công ty K được đăng ký lần thứ 5 từ ngày 21/5/2016, thể hiện địa chỉ trụ sở chính của Công ty K tại Tòa nhà Goldel Palace K1 – đường Mễ Trì, quận N, Thành phố H. Căn cứ khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận T tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Tại hồ sơ kinh doanh thương mại thụ lý số 09/KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2016 và hồ sơ số 13/2017/TLST – KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, xem xét nội dung công việc thực tế các bên đương sự thực hiện và nội dung ký kết hợp đồng, HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: VKSND quận T đã có công văn đề nghị Tòa án đưa Công ty TNHH W tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu chứng minh Công ty TNHHH W có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Do đó Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là đúng quy định

Ngoài ra, những người ký biên bản nghiệm thu là ông Lý Học B, bà Nguyễn Thị C ký tư cách cá nhân nhưng biên bản ghi đại diện cho Công ty, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp tên tuổi địa chỉ nhưng nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được. Công ty TNHH W khẳng định không ủy quyền cho ông Đằng Kiến H ký biên bản nghiệm thu. Các đương sự cũng khẳng định những người này hiện không còn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Do đó, Tòa án cũng không đưa ông B, bà C, ông H tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về thời hiệu: Công ty K trình bày ngày 03/10/2013 ông Lý Học B ký xác định khối lượng công việc; Ngày 01/11/2013, các bên ký biên bản nghiệm thu (mỗi bên giữ 01 bản). Theo Hợp đồng kinh tế số VN 2011- 015 ngày 28/12/2011, thì Công ty Kcó trách nhiệm thanh toán cho Công ty N trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán. Tuy nhiên, từ đó đến nay Công ty Kkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ, quyền lợi của Công ty N bị xâm phạm do Công ty Kkhông trả tiền theo hồ sơ thanh toán nói trên được tính từ ngày 08/11/2013. Công ty N không có công văn nhắc nợ do quen biết, nể nang, đến ngày 28/01/2016, Công ty TNHH nhà khung thép N mới nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH phát triển xây dựng Kyêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo khối lượng thực tế mà Công ty N đã thực hiện theo hợp đồng do hai bên ký kết.

Theo Điều 44 Nghị Định 48/ 2010 ngày 07/5/2010 của Chính phủ *thì " Thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của các bên bị xâm phạm".*

Theo Điều 2 Nghị Quyết số 103/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội quy định: Đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH 11 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 65/2011/ QH12.

Theo hướng dẫn tại điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/ NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 thì đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc thì Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

2.Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Công ty N và Công ty Kđều xác nhận giữa Công ty N và Công ty Kđã ký kết hợp đồng kinh tế số VN 2011- 015 ngày 28/12/2011, về việc thi công công trình với nội dung: Nhập khẩu thu mua, bảo quản lắp đặt và phương án thi công (đính kèm bảng báo giá) công trình lắp đặt tấm vách ngăn ngoài 3 lớp tại nhà xưởng số R1 Công ty khoa học kỹ thuật Wintek.

Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Ngày 03/10/2013, đại diện của Công ty K là ông Li học B đã ký xác nhận số lượng đã thi công, diện tích 737.1m^2 tương đương 111.561,41 USD (Tài liệu việt tiếng Trung, bản pho tô có dịch thuật công chứng không có xác nhận của Công ty K)

Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp tài liệu Phiếu nghiệm thu tường ngoài, nội dung nghiệm thu về tấm tường ngoài R1 đã được cải thiện, chất lượng kích thước quy cách tấm tường ngoài đạt tiêu chuẩn do đại diện Đ, K, N ký xác nhận ngày 01/11/2013 (Tài liệu viết tiếng trung, bản pho to có dịch thuật công chứng không có dấu của Công ty). Nguyên đơn còn cung cấp phiếu gửi hồ sơ thanh toán vào ngày 15/6/2015 cho Công ty K.

Phía bị đơn đã không thừa nhận phiếu nghiệm thu tường ngoài và xác nhận số lượng đã thi công là 737,1 m^2 vì lý do chỉ có chữ ký của ông Li Học B, ghi nội dung R1 nhưng không ghi rõ nội dung thực hiện cụ thể công trình nào? Ngoài ra, phía bị đơn đã đưa ra các tài liệu chứng cứ thanh toán cho nguyên đơn sau mỗi lần hoàn thành công việc. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn tài chính do Công ty N phát hành bàn giao cho Công ty Kđể Công ty Kthanh toán. Tuy nhiên, lần thanh toán này do nguyên đơn không hoàn thành nội dung công việc theo tiến độ, phía bị đơn đã phải tự mình khắc phục công trình, nguyên đơn không giao cho bị đơn hồ sơ thanh toán vì hai bên chưa xác nhận khối lượng công việc, cũng như nghiệm thu với nhau. Công ty N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty K, gây thiệt hại cho Công ty K, vì Công ty N không đảm bảo tiến độ bàn giao công trình cho Công ty K, vì sơ bị phạt chậm hợp đồng nên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng và quyết toán công trình, nhận trách nhiệm bảo hành. Công trình đã được chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Công ty Kđã quyết toán công trình xong từ năm 2013. Ngày 15/6/2015, nguyên đơn mới gửi hồ sơ thanh toán, Công ty Kđã được quyết toán công trình theo quy định nên không có cơ sở để thanh toán cho Công ty N.

Nguyên đơn cho rằng: Sau khi ký phiếu nghiệm thu, Công ty N đã nhiều lần đề nghị Công ty K thanh toán số tiền nợ gốc theo hợp đồng 111.561,41 USD nhưng Công ty K không trả và cũng không có ý kiến phản hồi nhưng Công ty N không nói rõ lý do tại sao hợp đồng không được tiếp tục thực hiện từ ngày 02/11/2013, lý do hai bênkhông nghiệm thu, bàn giao công trình xác định khối lượng công việc đã hoàn thành, xác định khoản tiền bảo hành công trình thời hạn 5 năm trong hợp đồng hai bên đã thỏa thuận và chỉ đưa ra nội dung các mail cá

nhân giữa ông Lý Học B và bà Nguyễn Thị C trong việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên: Nội dung trao đổi công việc được thực hiện trong tháng 5 -2013, tháng 10-2013, tháng 12-2013. Với nội dung email ngày 06/12/2013 đã xác nhận Công ty N vẫn chưa sửa chữa xong nội dung công việc theo yêu cầu của Công ty TNHH phát triển xây dựng K, nội dung mail gửi sau khi các bên đã ký phiếu nghiệm thu tường ngoài. Do đó, phiếu nghiệm thu tường ngoài ngày 01/11/2013 chưa phải là căn cứ xác nhận việc nghiệm thu của hai bên. Sau thời gian đó, hai bên không còn có sự trao đổi gì khác, thể hiện công việc giữa bên công ty N đã hoàn thành. Phía Công ty N không tiếp tục thực hiện công việc, không có ý kiến gì với phía bị đơn. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận: Công ty K tạm ứng 50% giá trị tiền nguyên vật liệu, tiền nhân công. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán trong thời hạn 7 ngày sau khi cung cấp bảng thanh toán.

Tại điều 10 mục 1 của hợp đồng số VN2011 – 015: *" nghiệm thu công trình hoàn thành dựa vào quyết định nghiệm thu của hai bên, bản vẽ thi công dựa vào tài liệu thuyết minh, tài liệu kỹ thuật thi công làm căn cứ"*

Tại điều 8 mục 3 của Hợp đồng: *" Khi xin thanh toán tiền thi công(ngoài tiền thanh toán trước), bên B cần cung cấp biên bản nghiệm thu đạt tiêu chuẩn có giám sát bên A xác nhận, bảng kết toán số lượng công trình hoàn thành và hóa đơn VAT"*

Tuy nhiên, sau khi ký phiếu nghiệm thu tường ngoài ngày 01/11/2013, phía Công ty N không gửi hồ sơ thanh toán cho Công ty Kvà không có ý kiến gì. Phía bị đơn đã có ý kiến phản hồi qua mail (tài liệu mail do nguyên đơn cung cấp) yêu cầu công ty N thay thế, sửa chữa nhưng phía nguyên đơn không thực hiện. Như vậy, phía nguyên đơn đã tự đơn phương chấm dứt hợp đồng xây dựng mà hai bên đã ký kết, không phải do lỗi của phía bị đơn.

Tại Điều 6 Nghị Định 48/2010 quy định: *Hợp đồng xây dựng không còn hiệu lực kể từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng trong thời gian theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng. Ngoài thời gian này nếu một bên không làm thủ tục thanh lý hợp đồng thì bên kia được toàn quyền quyết định việc thanh lý hợp đồng.*

Theo quy định tại điều 81 Luật xây dựng và Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2010 của Chính Phủ thì nhà thầu có trách nhiệm lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện. Hồ sơ quyết toán của nguyên đơn không đầy đủ dẫn đến việc chủ đầu tư không quyết toán được, vì vậy không có cơ sở để thanh toán tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không thừa nhận ông Lý Học B được giao nghiệm thu công trình. Phía công ty W cũng khẳng định không giao cho ông Tai Te Sheng(Thái Đặng Sinh) cũng như tại phiên tòa các đương sự không xuất trình được thêm tài liệu nào, bản thân phía nguyên đơn không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Ngày 15/6/2015, Công ty N mới có công văn gửi Phiếu nghiệm thu tường ngoài, bảng xác nhận số lượng đã thi công là vi phạm thời gian gửi hồ sơ thanh

toán và vi phạm thời gian thanh lý hợp đồng. Do đó, phía bị đơn được toàn quyền quyết định việc thanh lý hợp đồng nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ theo hợp đồng xây dựng của nguyên đơn.

Về yêu cầu phạt tiền chậm trả theo hợp đồng của nguyên đơn liên quan đến hợp đồng xây dựng đã hết thời hiệu nên đình chỉ yêu cầu này.

[3]. Về án phí: Do nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí theo giá ngạch theo Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 81 – Luật xây dựng năm 2003.

- Căn cứ Điều 159; Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị Quyết số 103/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2010 của Chính Phủ.

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Nhà Khung thép N đối với bị đơn là Công ty TNHH phát triển xây dựng K về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển xây dựng Kphải trả số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế số VN 2011-015 ngày 28/12/2011 là 111.561,41USD tương đương 2.594.918.396đ(Hai tỷ năm trăm chín mươi tư triệu chín trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng)

2. Đình chỉ phần yêu cầu của Công ty TNHH Nhà Khung Thép N đối với bị đơn là Công ty TNHH phát triển xây dựng K về việc yêu cầu Công ty TNHH phát triển xây dựng K phải trả số tiền phạt

3. Về án phí: Công ty TNHH Nhà Khung thép N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm về yêu cầu kiện đòi nợ gốc không được chấp nhận là 83.898.368 đồng. Xác nhận Công ty TNHH Nhà Khung thép N đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 44.110.000đồng biên lai số 05695 ngày 17/7/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T. Công ty TNHH nhà khung thép N phải nộp tiếp 39.788.368đ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Đức Cần

Nơi nhận:
- *VKSND quận T;*
- *Chi cục THADS q.T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*